CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

Ngày 30/06/2025	25,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	18.0%	**63.2%**	**73.4%**

DT thuần
Q2/25
3,443
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,955| 131%
YoY: ▲ 1,194| 53.1%

LN thuần
Q2/25
70.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 59.3| 520%
YoY: ▲ 40.8| 136%

LN sau thuế
Q2/25
28.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.9| 203%
YoY: ▲ 2.40| 9.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
3.9%
YoY: +/-▼ 0.7%

ROE (TTM)
Q2/25
5.4%
YoY: +/-▲ 0.0%

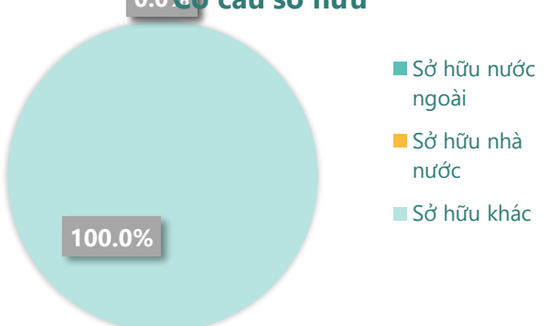
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,717 - 26,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,939
Số lượng CPLH (CP)	397,568,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	255,960
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.17
EPS	605
P/E	41.3

DT thuần
6T 2025
4,932
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,287| 35.3%

LN thuần
6T 2025
82.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 40.1| 95.8%

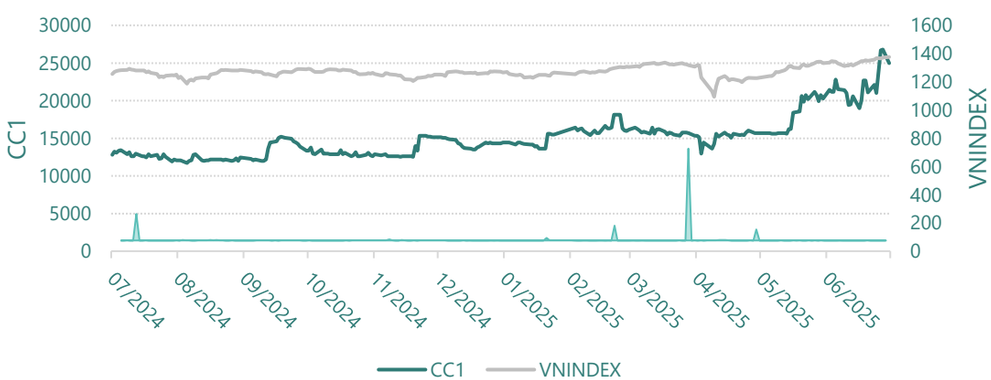
LN sau thuế
6T 2025
37.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.80| 8.1%

Cơ cấu sở hữu

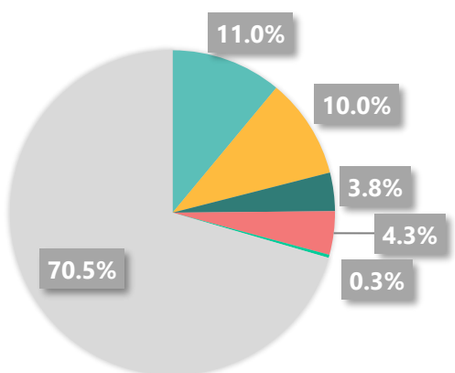


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

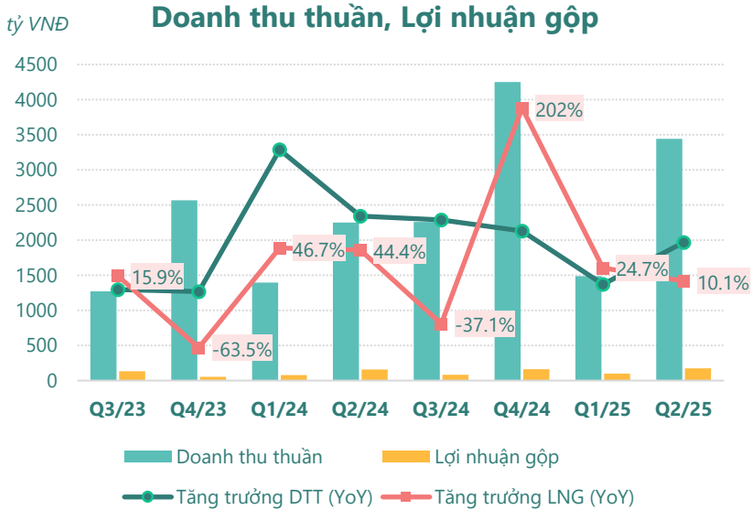


- Nguyễn Văn Huấn (Thành viên HĐQT)
- CTCP CC1-Holdings
- Lê Bảo Anh (Tổng giám đốc)
- Trần Tấn Phát
- Trần Thị Quỳnh Như
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

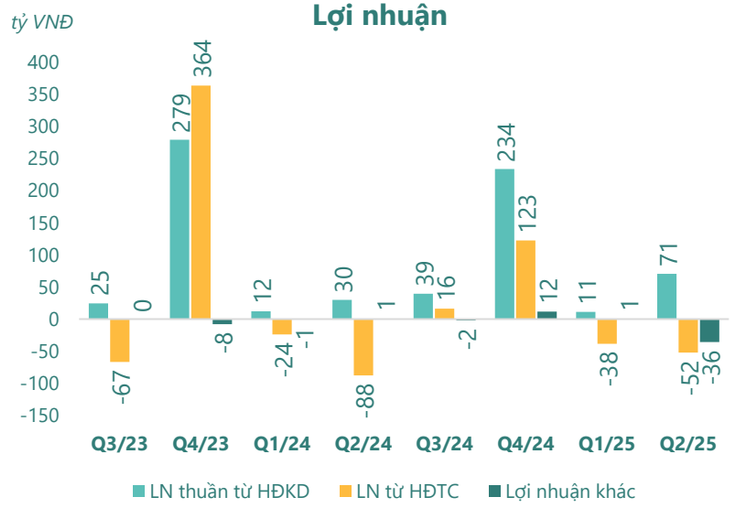
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



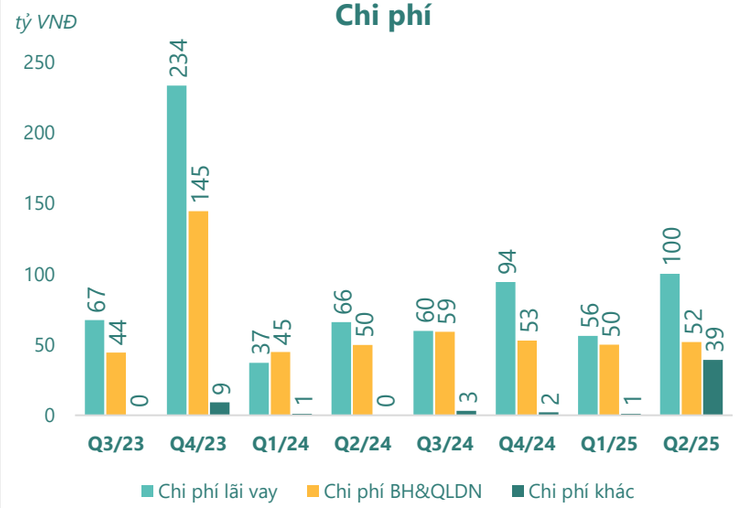
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



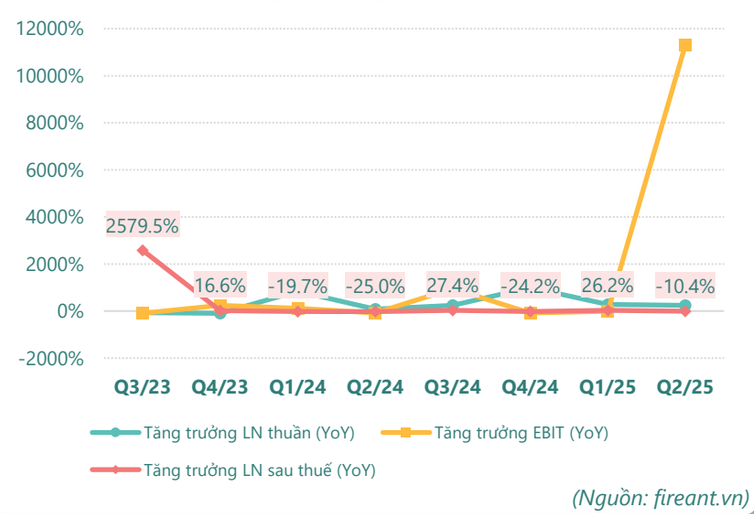
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



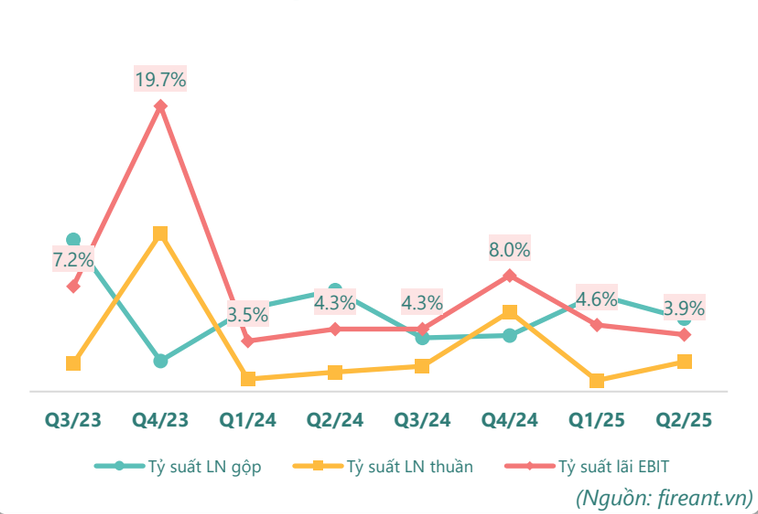
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



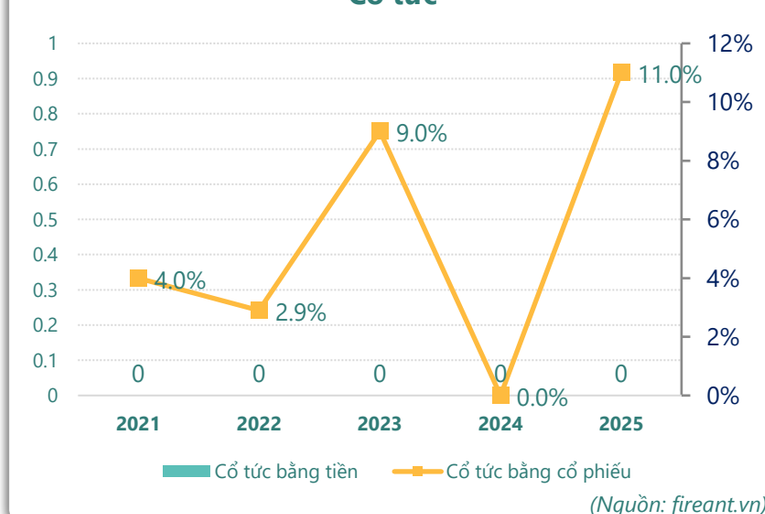
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

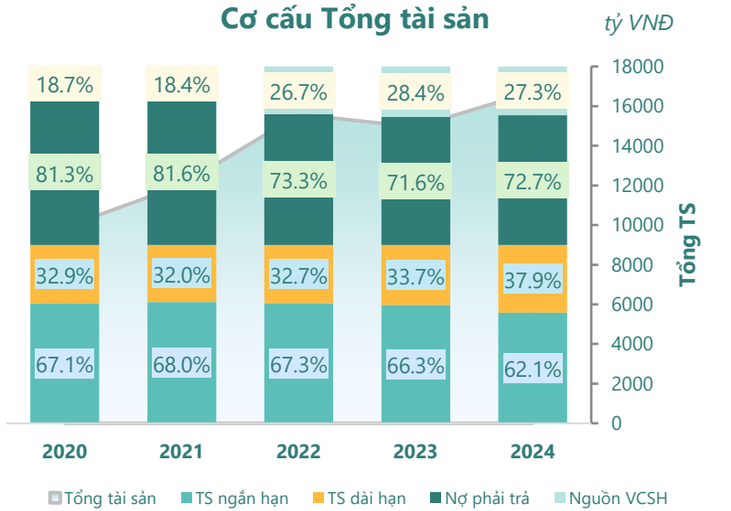
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

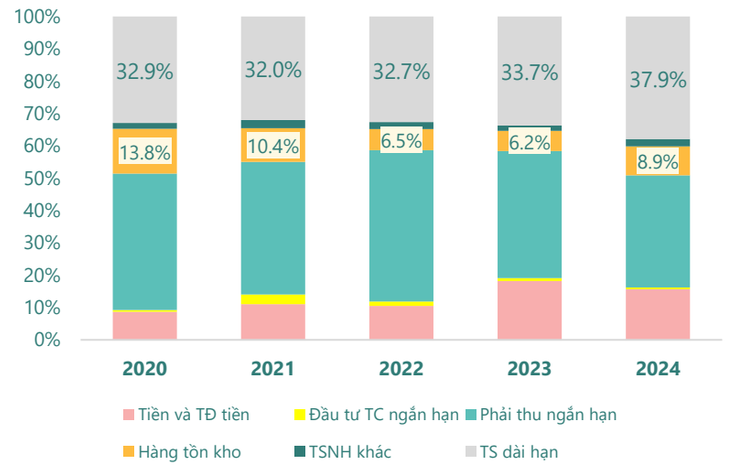
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



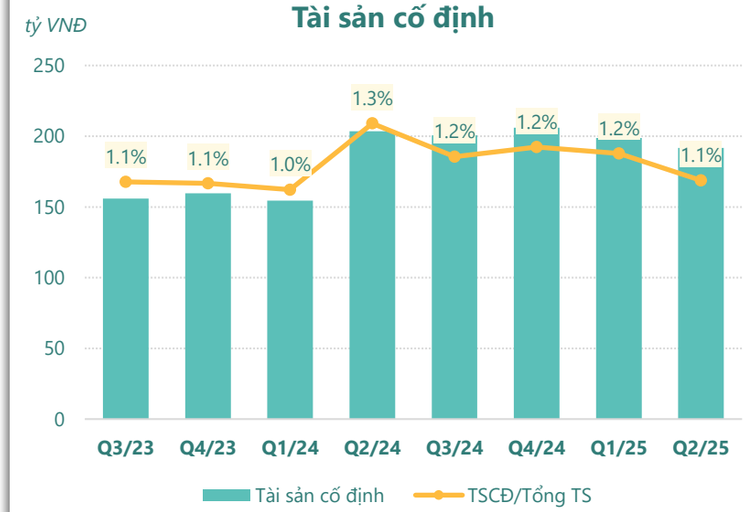
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



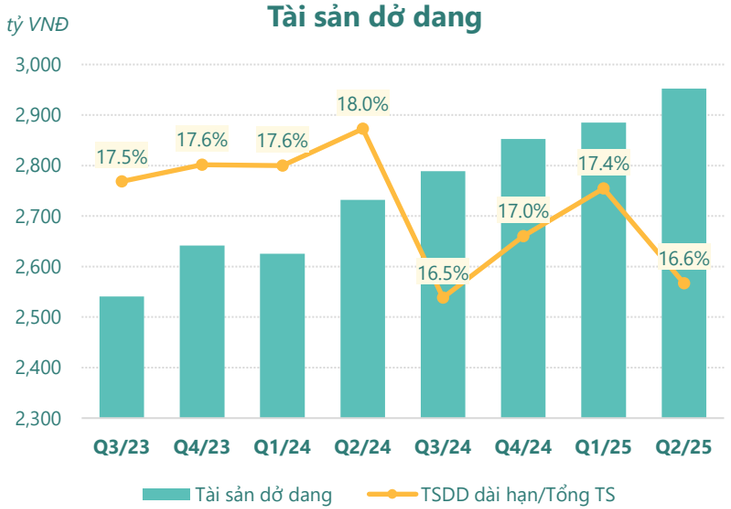
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



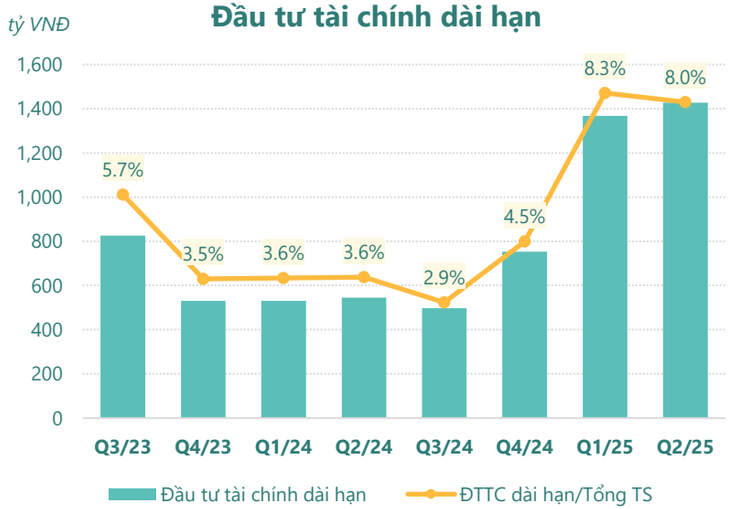
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



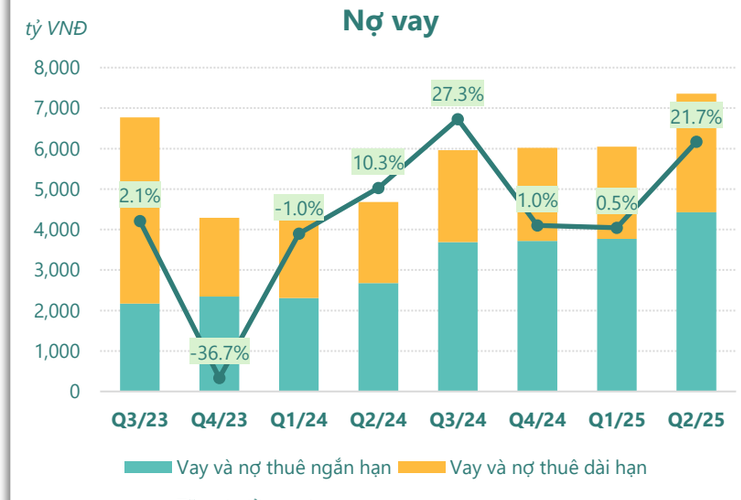
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

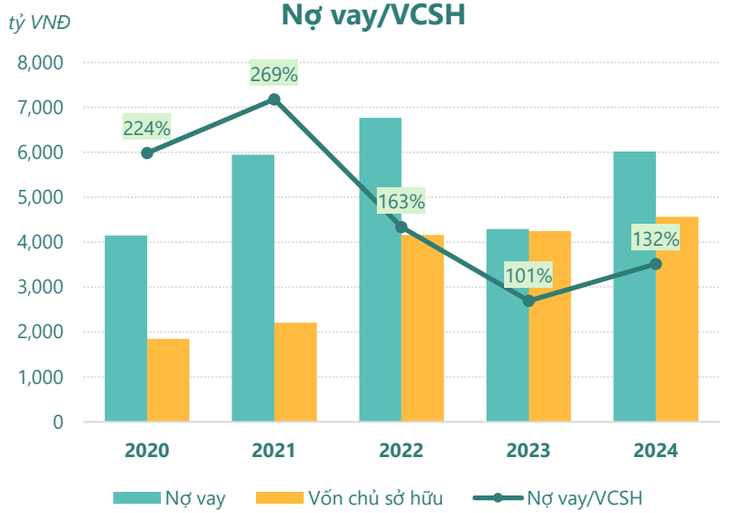
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

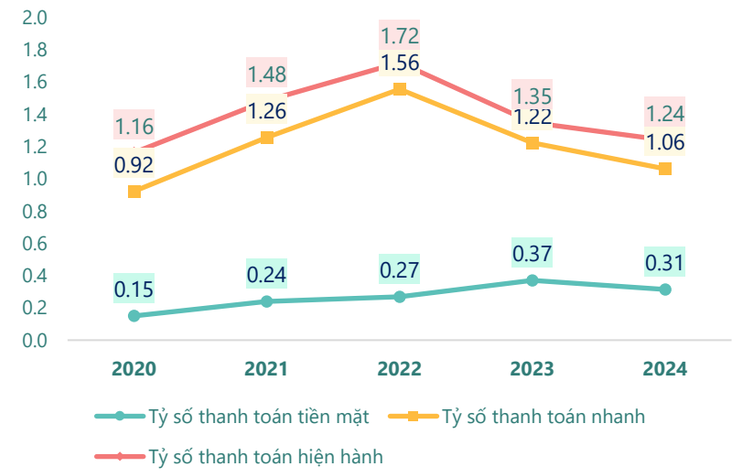
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



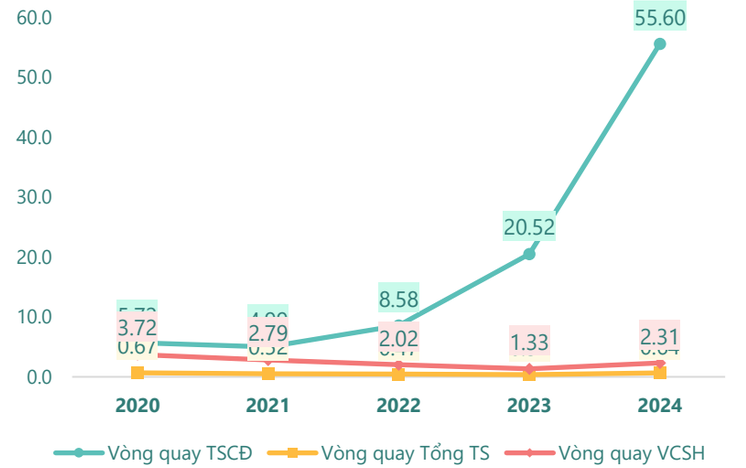
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



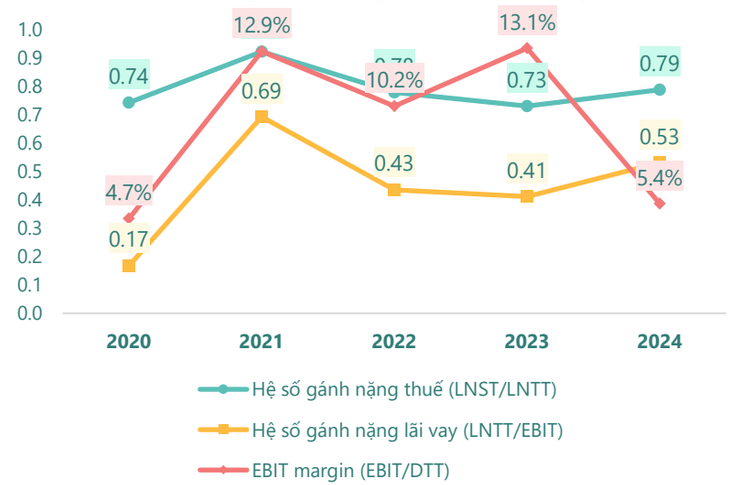
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



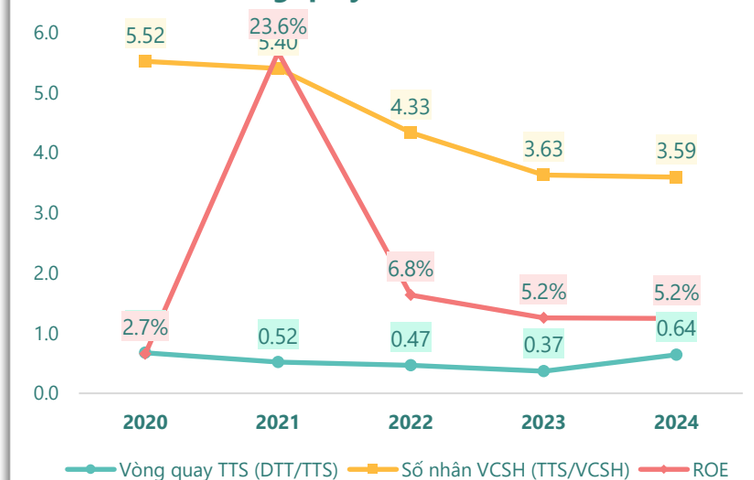
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



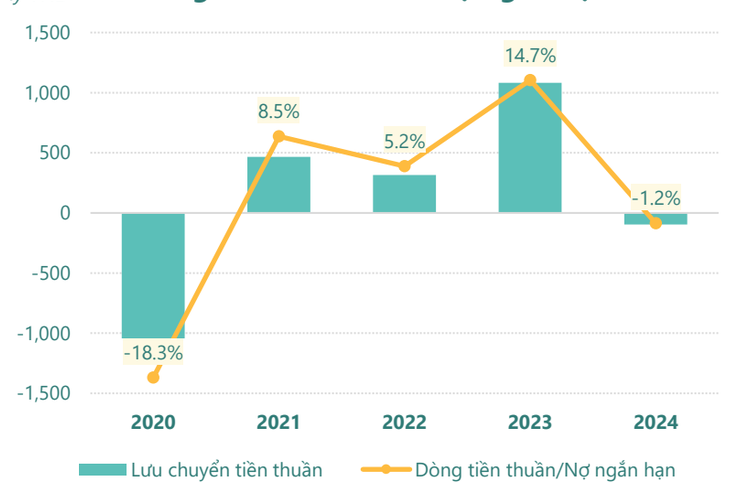
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,443**	**2,249**	**53.1%**	**4,932**	**3,645**	**35.3%**
Giá vốn hàng bán	3,271	2,092	56.3%	4,659	3,408	36.7%
Lợi nhuận gộp	173	157	10.2%	272	237	15.0%
Doanh thu HĐTC	86.7	34.4	152%	108	47.6	127%
Chi phí TC	139	122	13.8%	198	160	24.3%
Chi phí lãi vay	100	66.0	51.8%	156	103	51.5%
LN trong công ty LKLD	**1.65**	**10.5**	**-84.3%**	**2.30**	**11.9**	**-80.7%**
Chi phí bán hàng	0.66	2.63	-74.9%	4.17	4.38	-4.8%
Chi phí QLDN	**51.2**	**47.2**	**8.4%**	**97.6**	**90.3**	**8.1%**
LN thuần từ HĐKD	70.7	29.9	136%	82.0	41.9	95.8%
Lợi nhuận khác	**-35.7**	**0.65**	**-5600%**	**-35.0**	**-0.03**	**-119935%**
LN trước thuế	34.9	30.6	14.1%	47.0	41.9	12.3%
Lợi nhuận sau thuế	**28.2**	**25.8**	**9.1%**	**37.4**	**34.6**	**8.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**27.0**	**26.2**	**3.0%**	**35.8**	**35.2**	**1.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-683	-1,101	-233	-254	-405	-74.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-30.7	677	-877	503	-179	-310
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-44.0	335	1,414	197	40.1	1,258
Tiền đầu kỳ	2,721	1,964	1,875	2,180	2,625	2,081
Lưu chuyển tiền thuần	**-757**	**-88.9**	**305**	**445**	**-544**	**874**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.02	0.00	0.19
Tiền cuối kỳ	1,964	1,875	2,180	2,625	2,081	2,955

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**17,737**	**16,728**	**6.0%**
Tài sản ngắn hạn	11,439	10,382	10.2%
Tiền và tương đương tiền	2,955	2,625	12.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	240	91.1	163%
Phải thu ngắn hạn	5,844	5,800	0.8%
Hàng tồn kho	1,957	1,495	30.9%
Tài sản ngắn hạn khác	443	372	19.1%
Tài sản dài hạn	**6,298**	**6,346**	**-0.8%**
Phải thu dài hạn	1,249	2,041	-38.8%
Tài sản cố định	192	206	-7.0%
Bất động sản đầu tư	420	431	-2.7%
Tài sản dở dang	2,952	2,853	3.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,427	754	89.1%
Tài sản dài hạn khác	**58.5**	**59.8**	**-2.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	13,149	12,164	8.1%
Nợ ngắn hạn	**9,274**	**8,370**	**10.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,425	3,722	18.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,328	1,712	-22.4%
Nợ dài hạn	3,876	3,793	2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,932	2,298	27.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,587**	**4,564**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**4,587**	**4,564**	**0.5%**
Vốn điều lệ	3,979	3,585	11.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)